

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
95	DH51904407	Phạm Minh	Tài	D19_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
96	DH51904432	Tổng Thành	Tân	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
97	DH51904542	Nguyễn Hồng	Thiện	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
98	DH51904546	Hà Tấn	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
99	DH51904548	Lê Hà Đức	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
100	DH51904553	Phạm Quốc	Thịnh	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
101	DH51904561	Nguyễn Bá	Thoại	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
102	DH51900558	Nguyễn Trung	Tính	D19_TH03	37	11	-	-	-	-	26	-	-	0
103	DH51904727	Lê Hoàng	Trí	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
104	DH51904792	Trần Nhật	Trường	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
105	DH51904802	Nguyễn Võ Ngọc	Tú	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
106	DH51904881	Hoàng Thế	Vĩ	D19_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
107	DH51905574	Trịnh Thế	Xuyên	D19_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
108	DH51900204	Nguyễn Trường	An	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
109	DH51900808	Đặng Thị Ngọc	ánh	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
110	DH51900870	Ngô Mạnh	Cường	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
111	DH51903397	Đỗ Đức	Đạt	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
112	DH51903427	Lương Ngọc Hải	Đặng	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
113	DH51903431	Võ Nguyễn Hải	Đặng	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
114	DH51903534	Quan Chương	Hân	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
115	DH51900690	Hồ Công	Hậu	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
116	DH51903669	Nguyễn Quang	Huy	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
117	DH51903684	Tào Quang	Huy	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
118	DH51903784	Trương Vĩnh	Khang	D19_TH04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
119	DH51901630	Lê Anh	Kiệt	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
120	DH51900917	Trần Quốc	Lâm	D19_TH04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
121	DH51900743	Nguyễn Kha	Lil	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
122	DH51903876	Đặng Thanh Nhất	Linh	D19_TH04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
123	DH51903922	Nguyễn Thành	Long	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
124	DH51904003	Trịnh Ngô Tân	Minh	D19_TH04	6	-	-	-	-	-	5	1	-	4
125	DH51901792	Ngô Hoài	Nam	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
126	DH51901785	Ngô Thành	Nhân	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
127	DH51904155	Lê Bảo	Nhi	D19_TH04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
128	DH51904163	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	D19_TH04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
163	DH51904363	Trần Đoàn Thanh Sang	D19_TH05	23	21	-	-	-	-	-	2.5	-	-	0
164	DH51901659	Trần Tấn Tài	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
165	DH51900974	Nguyễn Văn Tâm	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
166	DH51904426	Lâm Ngọc Tân	D19_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
167	DH51905489	Lê Đoàn Thái	D19_TH05	20.5	15	-	-	-	-	4.5	1	-	-	0
168	DH51904519	Ngô Đình Thế	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
169	DH51901818	Trần Minh Thuận	D19_TH05	25.5	24	-	-	-	-	2	-	-	-	0
170	DH51903024	Phạm Hữu Tinh	D19_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
171	DH51904680	Đoàn Chí Tôn	D19_TH05	23.5	23	-	-	-	-	1	-	-	-	0
172	DH51904741	Trương Hoàng Triều	D19_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9
173	DH51904787	Nguyễn Văn Trường	D19_TH05	28	28	-	-	-	-	-	-	-	-	0
174	DH51904880	Võ Thúy Vi	D19_TH05	19	17	-	-	-	-	2.5	-	-	-	0
175	DH51901746	Nguyễn Hồ Hoàng Việt	D19_TH05	28	28	-	-	-	-	-	-	-	-	0
176	DH51901924	Nguyễn Thành Vinh	D19_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
177	DH51904910	Nguyễn Thế Vinh	D19_TH05	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	8
178	DH51902489	Trần Xuân Bình	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
179	DH51903237	Nguyễn Chí Cang	D19_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
180	DH51901975	Trần Minh Công	D19_TH06	28	28	-	-	-	-	-	-	-	-	0
181	DH51903295	Lương Tấn Cường	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
182	DH51903383	Nguyễn Đại Dương	D19_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
183	DH51902719	Lê Hoàng Đạt	D19_TH06	11	-	1	1	5	3	1	-	-	-	0
184	DH51902994	Lê Hữu Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
185	DH51903405	Lê Trần Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
186	DH51903425	Trịnh Tiến Đạt	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
187	DH51903464	Nguyễn Đình Trường	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
188	DH51902227	Nguyễn Long Hải	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
189	DH51902248	Ngô Công Hiếu	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
190	DH51903595	Thái Trung Hiếu	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
191	DH51903608	Văn Quốc Hòa	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
192	DH51903753	Lại Duy Kha	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
193	DH51902734	Trần Hoàng Khang	D19_TH06	4.5	-	-	-	-	2	2.5	-	-	-	5.5
194	DH51902142	Văng Quan Linh	D19_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
195	DH51903910	Hà Hoàng Long	D19_TH06	11	-	3	-	5	2	1	-	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
229	DH51902901	Mu Sa Sa	Liên	D19_TH07	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
230	DH51902544	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
231	DH51902612	Phan Đăng	Linh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
232	DH51902892	Bùi Phi	Long	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
233	DH51902834	Nguyễn Thị Diễm	My	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
234	DH51904129	Nguyễn Thanh	Nhân	D19_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
235	DH51905103	Nguyễn Minh	Nhật	D19_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
236	DH51904174	Hồ Huy	Nhiên	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
237	DH51904214	Huỳnh Văn	Phát	D19_TH07	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
238	DH51900069	Ngô Đức	Phát	D19_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
239	DH51902558	Lương Quang	Phú	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
240	DH51902386	Hà Trúc	Phương	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
241	DH51901884	Võ Hà Vinh	Tân	D19_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
242	DH51902283	Phạm Tấn	Thuận	D19_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
243	DH51904701	Hồ Bảo	Trâm	D19_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
244	DH51902326	Nguyễn Giang Quê	Trân	D19_TH07	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
245	DH51902935	Nguyễn Thanh	Tuấn	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
246	DH51904889	Đỗ Hoàng	Việt	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
247	DH51902549	Phạm Trần Tiến	Việt	D19_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
248	DH51904906	Nguyễn Hải	Vinh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
249	DH51902450	Trần Thanh	Vinh	D19_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
250	DH51902186	Võ Việt	Anh	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
251	DH51902381	Võ Huỳnh	Ân	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
252	DH51902196	Dương Văn Thiên	Châu	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
253	DH51902593	Nguyễn Trung	Dũng	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
254	DH51905084	Lâm Trường	Đạt	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
255	DH51903460	Lê Tùng	Em	D19_TH08	15	10	-	-	-	-	5	-	-	0
256	DH51905080	Tô Tín	Hành	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
257	DH51902681	Đoàn Đức	Hoàng	D19_TH08	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
258	DH51902365	Nguyễn Trang Anh	Huy	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
259	DH51903680	Phan Đức	Huy	D19_TH08	11	-	-	-	-	-	10	1	-	0
260	DH51901985	Vũ Bảo	Long	D19_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
261	DH51902106	Nguyễn Hoàng	Long	D19_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
295	DH51903781	Trần Minh	Khang	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
296	DH51905431	Nguyễn Trung	Kiên	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
297	DH51900936	Trần Minh	Luân	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
298	DH51904020	Đỗ Thành	Nam	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
299	DH51902364	Phạm Văn	Nguyên	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
300	DH51905324	Ngô Tấn	Phát	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
301	DH51904238	Đỗ Ngọc	Phú	D19_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
302	DH51903057	Nguyễn Anh	Phúc	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
303	DH51904466	Trần Văn	Thanh	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
304	DH51905117	Trần Trung	Thành	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
305	DH51901412	Trần Văn Ngọc	Thi	D19_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
306	DH51904658	Huỳnh Nguyễn Trung	Tín	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
307	DH51904677	Nguyễn Hào	Toàn	D19_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
308	DH51905502	Châu Bảo Nhân	Trung	D19_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
309	DH51905376	Huỳnh Lê Mạnh	Trực	D19_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
310	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
311	DH52002703	Cung Phương	Anh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
312	DH52000029	Nguyễn Văn	Bảo	D20_TH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
313	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
314	DH52000045	Lê Nguyễn Thành	Công	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
315	DH52002303	Lê Chí	Cường	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
316	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
317	DH51902172	Nguyễn Tiến	Dũng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
318	DH52001690	Trần Thị Mỹ	Duyên	D20_TH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
319	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
320	DH52001063	Nguyễn Lưu Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
321	DH52001986	Tổng Thành	Đạt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
322	DH51901190	Trần Quốc	Đạt	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
323	DH52001712	Trần In	Đoanh	D20_TH01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
324	DH52000880	Mai Nhật	Hào	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
383	DH52001882	Bùi Phong	Phú	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
384	DH52002061	Nguyễn Hoàng Ngọc	Phú	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
385	DH52001860	Phan Hoàng	Phúc	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
386	DH52003255	Lê Triệu Thanh	Phuong	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
387	DH52000281	Lư Kiều Minh	Quân	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
388	DH52002287	Mai Anh	Quân	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
389	DH52003521	Huỳnh Minh	Quy	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
390	DH52001024	Nguyễn Duy	Son	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
391	DH52003364	Nguyễn Trinh Duy Tân		D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
392	DH52001726	Huỳnh Ngọc	Thắm	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
393	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	Thiện	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
394	DH52001630	Nguyễn Ngọc	Thiện	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
395	DH52002062	Phan Thanh	Thúy	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
396	DH52003694	Nguyễn Hoàng	Tiến	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
397	DH52002032	Phạm Ngọc Quế	Trâm	D20_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
398	DH52001832	Tiêu Quang	Trường	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
399	DH52003232	Ngô Xuân	Tuy	D20_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
400	DH52001340	Phạm Trọng	Việt	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
401	DH52002202	Nguyễn Tuấn	Vũ	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
402	DH52002063	Lê Trần Thúy	Vy	D20_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
403	DH52003201	Ngô Hoài	An	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
404	DH52003458	Mai Xuân	Anh	D20_TH03	43	14	-	-	-	-	29	-	-	0
405	DH52002912	Nguyễn Thị Linh	Chi	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
406	DH52001339	Dương Lê Thành	Danh	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
407	DH52002862	Lê Văn	Đạt	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
408	DH52001330	Phạm Ngọc	Đông	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
409	DH52002772	Phạm Phú	Đức	D20_TH03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
410	DH52001467	Nguyễn Hữu	Giàu	D20_TH03	16	16	-	-	-	-	-	-	-	0
411	DH52003489	Nguyễn Thanh	Hải	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
412	DH52001332	Trang Thanh	Hải	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
413	DH52000812	Lâm Anh	Hòa	D20_TH03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
414	DH52000756	Đỗ Quốc	Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
415	DH52002714	Lưu Quốc	Huy	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
416	DH52003771	Nguyễn Lê	Huy	D20_TH03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
485	DH52001633	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
486	DH52003496	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	D20_TH05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
487	DH52003543	Nguyễn Công	Chi	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
488	DH52003743	Phạm Văn Thành	Đạt	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
489	DH52000171	Huỳnh Công	Đức	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
490	DH52003741	Lý Gia	Hân	D20_TH05	17	-	-	-	7	-	10	-	-	0
491	DH52001243	Lưu Văn	Hiếu	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
492	DH52003962	Nguyễn Trần Hồ	Hiếu	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
493	DH52003580	Võ Trọng	Hiếu	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
494	DH52002358	Vương Tiên	Hùng	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
495	DH52001205	Phạm Hoàng Quốc	Huy	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
496	DH52003378	Nguyễn Danh	Hung	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
497	DH52003788	Trần Quốc	Khánh	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
498	DH52001240	Trần Bảo	Khoa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
499	DH52003835	Trần Đình	Khoa	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
500	DH52003322	Võ Đăng	Khoa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
501	DH52003889	Phạm Hồng Nhật	Nam	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
502	DH52003905	Huỳnh Ngọc	Ngân	D20_TH05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
503	DH52003552	Nguyễn Trung	Nghĩa	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
504	DH52004281	Nguyễn Đức	Nguyên	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
505	DH52001241	Lê Đỗ Thành	Nhân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
506	DH52003830	Lê Thành	Nhân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
507	DH52003648	Trần Thiện	Phúc	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
508	DH52003862	Trần Hữu	Quang	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
509	DH52003593	Vũ Anh	Quân	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
510	DH52003760	Phan Thị Thu	Thảo	D20_TH05	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
511	DH52003869	Nguyễn Huỳnh	Thoại	D20_TH05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
512	DH52003968	Lý Quốc	Thông	D20_TH05	29.5	25	-	-	-	-	4.5	-	-	0
513	DH52003600	Trần Nhật	Tiến	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
514	DH52003933	Phạm Thị Thùy	Trang	D20_TH05	17.5	-	-	-	-	-	18	-	-	0
515	DH52003798	Võ Ngọc Phương	Trinh	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
516	DH52003749	Nguyễn Phạm Gia	Vi	D20_TH05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
517	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D20_TH05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
518	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	D20_TH05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
519	DH52005663	Huỳnh Hoàng	An	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
520	DH52005670	Lê Hoàng	Anh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
521	DH52003384	Trần Thế Quốc	Bảo	D20_TH06	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
522	DH52005747	Đào Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
523	DH52004120	Hỷ Văn	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
524	DH52004278	Lê Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
525	DH52004553	Nguyễn An	Đình	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
526	DH52005776	Nguyễn Thanh	Hải	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
527	DH52004258	Võ Nhật	Hào	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
528	DH52007219	Tạ Lê Trung	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
529	DH52004098	Trần Minh	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
530	DH52004215	Võ Thanh	Hoàng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
531	DH52004471	Nguyễn Hoàng	Huân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
532	DH52004986	Diệp Bảo	Khánh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
533	DH52004277	Phạm Tuấn	Kiệt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
534	DH52004347	Nguyễn Duy	Lâm	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
535	DH52004038	Đào Chiêu	Linh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
536	DH52004280	Mai Ngọc Phương	Linh	D20_TH06	47.5	28	-	-	-	-	20	-	-	0
537	DH52004034	Trương Thiện	Nhân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
538	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết Như		D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
539	DH52001512	Phạm Minh	Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
540	DH52004125	Trần Hoàng	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
541	DH52004126	Vũ Đức	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
542	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
543	DH52004336	Mai Hoàng	Quý	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
544	DH52001514	Phạm Minh	Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
545	DH52004334	Lê Văn	Thái	D20_TH06	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
546	DH52004272	Lưu Thị Thanh	Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
547	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
548	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
549	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
550	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
551	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
552	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
553	DH52007324	Phạm Tiến	Trưởng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
554	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
555	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
556	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
557	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
558	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
559	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
560	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
561	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
562	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
563	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
564	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
565	DH52004745	Nguyễn Văn	Hoan	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
566	DH52004778	Đặng Nguyễn Huy	Hoàng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
567	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
568	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
569	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
570	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
571	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
572	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
573	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
574	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
575	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
576	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
577	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
578	DH52004657	Võ Duy	Minh	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
579	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
580	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
581	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
582	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyễn	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
616	DH52004932	Nguyễn Phước	Lộc	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
617	DH52004044	Vũ Nhật	Minh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
618	DH52006010	Biện Hồng	Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
619	DH52006015	Trần Trọng	Phát	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
620	DH52006020	Võ Hoàng	Phi	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
621	DH52005031	Chu Bình	Phong	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
622	DH52006034	Trần Bá	Phúc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
623	DH52006036	Nguyễn Hữu	Phụng	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
624	DH52006041	Đào Đức	Quang	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
625	DH52006042	Lê	Quang	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
626	DH52004838	Võ Hồng	Quang	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
627	DH52006049	Nguyễn Hoàng	Quân	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
628	DH52006061	Trương Hoàng	Quốc	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
629	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	D20_TH08	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
630	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
631	DH52006090	Nguyễn Thành	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
632	DH52006102	Phan Thanh	Tân	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
633	DH52005059	Lê Trường	Thanh	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
634	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
635	DH52000110	Võ Văn	Tiến	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
636	DH52006230	Võ Thành	Trung	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
637	DH52005051	Đặng Trung	Trực	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
638	DH52006131	Hà Xuân	Tú	D20_TH08	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
639	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
640	DH52005677	Võ Chu Quốc	Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
641	DH52005684	Lê Khánh	Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
642	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
643	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
644	DH52005705	Lư Thừa	Chí	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
645	DH52005696	Dương Tăng	Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
646	DH52005698	Lê Đình	Cường	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
647	DH52005068	Nguyễn Thanh	Danh	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
648	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
649	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	D20_TH09	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
650	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
651	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam	Dương	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
652	DH52005738	Hồ Khánh	Dương	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
653	DH52005745	Cao Tiến	Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
654	DH52005049	Đặng Ngọc	Giàu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
655	DH52005778	Trần Đức	Hải	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
656	DH52005800	Phạm Thị Diệu	Hiền	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
657	DH52005804	Mai Chí	Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
658	DH52004983	Nguyễn Minh	Hiếu	D20_TH09	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
659	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
660	DH52005822	Huỳnh Kim	Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
661	DH52005824	Lê Văn	Hoàng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
662	DH52005825	Mai Việt	Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
663	DH52005827	Nguyễn Văn	Hoàng	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
664	DH52006575	Lâm Tuấn	Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
665	DH52005904	Nguyễn Đăng	Khoa	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
666	DH52005923	Phạm Võ Hiếu	Lễ	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
667	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
668	DH52005955	Võ Việt	Mỹ	D20_TH09	36	28	-	-	-	-	8	-	-	0
669	DH52005030	Lê Thanh	Nam	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
670	DH52005383	Đặng Thị Kim	Ngân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
671	DH52005977	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
672	DH52006017	Nguyễn Ngọc	Phi	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
673	DH52006058	Dương Trung	Quốc	D20_TH09	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
674	DH52006097	Văn Bảo	Tâm	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
675	DH52006105	Võ Đặng Phúc	Tấn	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
676	DH52006159	Võ Đức	Thanh	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
677	DH52007181	Châu Thị Thu	Thảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
678	DH52006169	Lê Chí	Thắng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
679	DH52006178	Trần Ngọc	Thế	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
680	DH52006111	Phan Đức	Tiến	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
681	DH52006116	Vũ Minh	Tiến	D20_TH09	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
682	DH52006119	Nguyễn Chí	Tín	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
683	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo	Trân	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
684	DH52006221	Ngô Đình	Triều	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
685	DH52006228	Nguyễn Thành	Trung	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
686	DH52006236	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	D20_TH09	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
687	DH52006237	Nguyễn Trần Vân	Uyển	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
854	DH52105790	Đặng Minh	Hải	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
855	DH52103781	Nguyễn Nhật	Hào	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
856	DH52105684	Lê Văn Hoàng	Hiệp	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
857	DH52100311	Đặng Ngọc	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
858	DH52106128	Đỗ Trung	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
859	DH52101717	Lê Minh	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
860	DH52106504	Phan Chí	Hiếu	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
861	DH52103541	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
862	DH52107394	Nguyễn Thái	Học	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
863	DH52101979	Phạm Thị ánh	Hồng	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
864	DH52101465	Quách Thái	Hùng	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
865	DH52100849	Lý Ngọc Gia	Huy	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
866	DH52104799	Dương Hoàng	Khang	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
867	DH52104569	Nguyễn Trọng	Khiêm	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
868	DH52104108	Nguyễn Đăng	Khoa	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
869	DH52101267	Lư Ngọc	Lan	D21_TH02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
870	DH52100180	Lý Kim	Long	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
871	DH52101402	Nguyễn Văn Hoàng	Long	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
872	DH52100937	Nguyễn Xuân	Long	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
873	DH52107387	Võ Bá	Lộc	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
874	DH52104938	Nguyễn Vũ	Luân	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
875	DH52107382	Trương Hồng	Luân	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
876	DH52100465	Nguyễn Ngọc	Minh	D21_TH02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
877	DH52106526	Nguyễn Tân	Mỹ	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
878	DH52101466	Nguyễn Hoài	Nam	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
879	DH52106256	Lê Thanh	Nguyên	D21_TH02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
880	DH52101695	Nguyễn Thị Khả	Nhi	D21_TH02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
881	DH52107512	Võ Thị Hồng	Nhi	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
882	DH52101137	Nguyễn Quỳnh	Như	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
883	DH52105864	Mô Ham Mách A Ra	Pát	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
884	DH52101914	Huỳnh Tấn	Phát	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
885	DH52106065	Nguyễn Thành	Phó	D21_TH02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
886	DH52106284	Châu Vĩnh	Phong	D21_TH02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1198	DH52108875	Nguyễn Bảo	Khiêm	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1199	DH52100713	Lê Anh	Khôi	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1200	DH52103218	Hồ Trần Duy	Lâm	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1201	DH52108990	Nguyễn Hồ Bảo	Long	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1202	DH52103590	Ngô Phước	Lộc	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1203	DH52108957	Nguyễn Dương	Luân	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1204	DH52111272	Nguyễn Lê Hoàng	Luân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1205	DH52109074	Nguyễn Hoàng	Minh	D21_TH07	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
1206	DH52111321	Trần Hoàng	Minh	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1207	DH52109132	Đào Trọng	Nhân	D21_TH07	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1208	DH52100989	Lê Phước Vĩnh Chíminh	Nhật	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1209	DH52109082	Nguyễn Thành Công	Nhị	D21_TH07	39.5	28	-	-	-	-	11	1	-	0
1210	DH52109230	Trần Phạm Thanh	Phong	D21_TH07	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1211	DH52109270	Phùng Kiến	Phước	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1212	DH52111578	Nguyễn Thị Thu	Phương	D21_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1213	DH52108750	Phan Thê	Quang	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1214	DH52100006	Diệp Nguyễn Anh	Quân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1215	DH52104425	Nguyễn Anh	Quốc	D21_TH07	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
1216	DH52109172	Nguyễn Thành	Sang	D21_TH07	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1217	DH52100199	Nguyễn Minh	Tân	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1218	DH52108385	Nguyễn Đoàn Viết	Thành	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1219	DH52109129	Phạm Thành	Thị	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1220	DH52111843	Bùi Hữu	Thuận	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1221	DH52107545	Võ Minh	Thuận	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1222	DH52111911	Phạm Vũ Quỳnh	Trang	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1223	DH52108947	Trần Nguyễn Minh	Triều	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1224	DH52106342	Trần Thị Ngọc	Tuyền	D21_TH07	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
1225	DH52104708	Huỳnh Văn	Tư	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1226	DH52109137	Nguyễn Duy	Viễn	D21_TH07	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1227	DH52112108	Phan Thanh	Vũ	D21_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1228	DH52103676	Dương Yến	Vy	D21_TH07	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1229	DH52110528	Huỳnh Trường	An	D21_TH08	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
1297	DH52110805	Nguyễn ái Thiêm Định	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1298	DH52110814	Cao Lập Đức	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1299	DH52110821	Nguyễn Chí Đức	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1300	DH52110875	Phan Nhựt Hào	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1301	DH52113799	Bùi Bá Hiệp	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1302	DH52110889	Dương Minh Hiệp	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1303	DH52110937	Nguyễn Thiện Hòa	D21_TH09	6	-	-	-	-	-	6	-	-	-	4
1304	DH52110995	Đỗ Quang Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1305	DH52111010	Nguyễn Đức Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1306	DH52111030	Nguyễn Quốc Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1307	DH52111043	Tô Đan Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1308	DH52111052	Võ Nguyễn Nhật Huy	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1309	DH52111076	Phan Văn Kha	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1310	DH52111080	Lý Hữu Khải	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1311	DH52111083	Trần Mai Huy Khải	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1312	DH52111102	Nguyễn Hồ Nhật Khang	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1313	DH52111122	Tổng Phước Gia Khánh	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
1314	DH52111146	Phạm Nguyễn Anh Khoa	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1315	DH52111163	Nguyễn Hữu Kiên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1316	DH52111198	Tô Thanh Lâm	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1317	DH52111227	Huỳnh Nguyễn Nhật Long	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1318	DH52111246	Võ Thanh Trường Long	D21_TH09	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	-	5.5
1319	DH52111255	Phan Tấn Lộc	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1320	DH52111279	Khuất Quang Lực	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1321	DH52111298	Dương Văn Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1322	DH52111314	Phan Khánh Minh	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1323	DH52111357	Đặng Minh Nghĩa	D21_TH09	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
1324	DH52111363	Nguyễn Đặng Trung Nghĩa	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1325	DH52111379	Đặng Nhật Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1326	DH52111391	Tổng Ngọc Nguyên	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5
1327	DH52100776	Vũ Trung Nguyên	D21_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1328	DH52111432	Thạch Thị Tuyết Nhi	D21_TH09	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1456	DH52113167	Huỳnh Thanh	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1457	DH52111034	Nguyễn Văn	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1458	DH52111036	Nguyễn Xuân	Huy	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1459	DH52111049	Trịnh Gia	Huy	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1460	DH52111063	Nguyễn Mạnh	Hưng	D21_TH11	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
1461	DH52111067	Trần Minh	Hưng	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1462	DH52111119	Phan Thế	Khánh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1463	DH52111124	Vũ Nguyên	Khánh	D21_TH11	28.5	28	-	-	-	-	0.5	-	-	0
1464	DH52111142	Nguyễn Huỳnh Thanh	Khoa	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1465	DH52111178	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1466	DH52111201	Phạm Quốc	Lân	D21_TH11	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1467	DH52111212	Nguyễn Hoàng	Linh	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1468	DH52111254	Nguyễn Vũ Minh	Lộc	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1469	DH52113537	Lại Hồng	Mẫn	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1470	DH52111320	Triệu Quang	Minh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1471	DH52112851	Bùi Minh	Nghĩa	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1472	DH52113344	Lê Yến	Nhi	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1473	DH52111458	Lê Hoàng	Pha	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1474	DH52113784	Nguyễn Thanh	Phong	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1475	DH52112944	Lê Đoàn Anh	Quân	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1476	DH52113301	Phùng Thiên	Tài	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1477	DH52111801	Trần Đức	Thiều	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1478	DH52111808	Nguyễn An	Thịnh	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1479	DH52111854	Võ Minh	Thuận	D21_TH11	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1480	DH52111907	Phạm Hoàng	Toàn	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1481	DH52111975	Ngô Quang	Trường	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1482	DH52113023	Nguyễn Minh	Trường	D21_TH11	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
1483	DH52111982	Trần Anh	Trường	D21_TH11	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1484	DH52111985	Bùi Anh	Trường	D21_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1485	DH52113150	Trần Ngọc	Tú	D21_TH11	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1616	DH52112035	Lê Trung	Tuyển	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1617	DH52112069	Nguyễn Văn	Việt	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1618	DH52112077	Ngô Quốc	Vinh	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1619	DH52112094	Trương Xương	Võ	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1620	DH52112118	Trần Hoàng	Vương	D21_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1621	DH52112135	Trần Thị Bảo	Yến	D21_TH13	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1622	DH52110526	Châu Nguyễn Trường	An	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1623	DH52110535	Nguyễn Quốc	An	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1624	DH52110565	Nguyễn Nhật	Anh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1625	DH52110574	Vũ Đức	Anh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1626	DH52110614	Võ Chí	Bảo	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1627	DH52110662	Phạm Phú	Cường	D21_TH14	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1628	DH52110679	Nguyễn Thị Công	Dung	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1629	DH52113016	Huỳnh Quốc	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1630	DH52110709	Nguyễn Minh	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1631	DH52110718	Phạm Võ Đình	Duy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1632	DH52110742	Nguyễn Quốc	Đại	D21_TH14	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1633	DH52110746	Trần Văn	Đan	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1634	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải	Đặng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1635	DH52110802	Trần Ngọc	Điền	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1636	DH52113438	Nguyễn Hoàng Trí	Đức	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1637	DH52110860	Thái Doãn Minh	Hải	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1638	DH52110890	Hoàng Lưu Tuấn	Hiệp	D21_TH14	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1639	DH52110908	Lưu Trọng	Hiếu	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1640	DH52110958	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1641	DH52110982	Lê Mạnh	Hùng	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1642	DH52112800	Đình Tuấn	Huy	D21_TH14	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1643	DH52111027	Nguyễn Quốc	Huy	D21_TH14	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1644	DH52111056	Nguyễn Diễm	Huỳnh	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện	
						1	2	3	4	5	6	7	8		
1674	DH52112009	Nguyễn Văn	Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1675	DH52112016	Trịnh Anh	Tuấn	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1676	DH52112047	Hoàng Đức	Uy	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1677	DH52113755	Đông Thị Tường	Vi	D21_TH14	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	-	8.5
1678	DH52112079	Nguyễn Đình	Vinh	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1679	DH52112089	Trần Hoàng	Vinh	D21_TH14	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	7
1680	DH52112101	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1681	DH52112105	Nguyễn Quang	Vũ	D21_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1682	DH52112122	Nguyễn Thị Yến	Vy	D21_TH14	1	-	-	-	-	-	1	-	-	-	9

Tổng số SV: **1682**

Đã hoàn thành: **87**

Chưa hoàn thành: **1595**

**Ghi chú: Nội dung thực hiện*

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Người lập bảng

Phụ trách Phòng CTSV

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng

PGS, TS. Cao Hào Thi